

Bản án số: 12/2021/HSST
Ngày 29/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Anh.
Bà Đặng Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- F diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trình Ngọc Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28, 29 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị PH T**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1976 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Lê Văn A (chết); Mẹ: Nguyễn Thị B, SN: 1949; CH1: Nguyễn Đức V, SN: 1973; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hồ L**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1978 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Hồ T, SN: 1955; Mẹ: Nguyễn Thị Đ, SN: 1959; Vợ: Nguyễn Thị Mộng E, SN: 1990; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/11/2020 đến ngày 05/12/2020. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Quốc F**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1983 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P 2, xã G, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Trần Kim S, SN: 1960; Mẹ: Nguyễn Thị R, SN: 1960; Vợ:

Trần Thị Mỹ I, SN: 1989 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 23/6/2020 bị Công an xã An Hòa Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 1.000.000đ về hành vi đánh bạc (đã chấp hành).

Nhân thân:

- Ngày 20/7/2017 bị TAND thị xã Tân UY2, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc (chấp hành xong ngày 08/8/2017).

- Ngày 27/7/2015 bị Công an xã G, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 1.000.000đ về hành vi đánh bạc (chưa chấp hành).

- Ngày 16/3/2016 bị Công an thị trấn T2, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 2.000.000đ về hành vi đánh bạc (đã chấp hành).

- Ngày 25/3/2016 bị Công an thị trấn T2, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 2.000.000đ về hành vi đánh bạc (chưa chấp hành).

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/11/2020 đến ngày 05/12/2020. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị K**; Tên gọi khác: Nở; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1954 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: già yếu; Trình độ học vấn: không biết chữ; Cha: Nguyễn Hữu TH (chết); Mẹ: Nguyễn Thị Niệm (chết); CH1: Võ Nở, SN: 1948; Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/02/2014 bị TAND huyện Đồng Xuân xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo và phạt bổ sung 03 triệu đồng về tội đánh bạc (đã chấp hành).

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị Đ**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1959 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn L1, xã X1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12; Cha: Nguyễn Tại (chết); Mẹ: Nguyễn Thị H, (chết); CH1: Hồ T, SN: 1955; Bị cáo có 06 con, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/10/2016, bị Công an huyện Đồng Xuân xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Võ Thị Mộng Y2**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1977 tại tỉnh Phú Y2; Nơi cư trú: Khu phố Triều S Đông, phường X, thị xã Ô, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12; Cha: Võ Văn PH (chết); Mẹ: Phan Thị AA, SN: 1955; CH1 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/11/2020 đến ngày 02/12/2020. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Huỳnh Quang B3**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1961 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: Huỳnh Quý (chết); Mẹ: Nguyễn Thị TH (chết); Vợ: Nguyễn Thị H1, SN: 1961; Bị cáo có 05 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Ngọc C1; Tên gọi khác: Cu Ba; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Nguyễn Ngọc H2, SN: 1968; Mẹ: Võ Thị Liêm, SN: 1969; Vợ: Võ Thị T Hân, SN: 1990 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Hồ Thị Hoàng D1; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1989 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn 4, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Mẹ: Hồ Thị Vân, SN: 1950; Không có chồng; Bị cáo có 02 con, sinh năm 2016 và 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Huỳnh Thị T; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1978 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn 4, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Cha: Huỳnh Xuân Long (chết); Mẹ: Đào Thị E (chết); CH1: Huỳnh U, SN: 1975; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Bùi Ngọc V1; Tên gọi khác: E; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1979 tại tỉnh Phú Y2; Nơi cư trú: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: không biết chữ; Cha: Bùi Xuân Lũy (chết); Mẹ: Phạm Thị H1 (chết); Vợ: Lê Thị Kiều Nga, SN: 1983; Bị cáo có 02 con, sinh năm 2007 và 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Y; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1993 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Thợ uốn tóc; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Nguyễn Văn Hải (chết); Mẹ: Nguyễn Thị N, SN: 1958; CH1: Nguyễn T1, SN: 1985; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa:**

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ L, Nguyễn Ngọc C1: Ông Ngô Tấn Hải – Trợ giúp viên pháp lý thuộc TT TGPL nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đ: Ông Ngô Văn Thành – Trợ giúp viên pháp lý Tộc TT TGPL nhà nước tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có gửi luận cứ bào chữa).

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1: Bà Nguyễn Thị Khánh Duy – Trợ giúp viên pháp lý thuộc TT TGPL nhà nước tỉnh Phú Yên. Có

mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị Hoàng D1, Lê Thị PH T: Bà Trần Thị Như Thủy – Luật sư ký hợp đồng của TT TGPL nhà nước tỉnh Phú Yên (Bào chữa TGPL). Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Nguyễn Đức V – Sinh năm: 1973; Trú tại: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Nguyễn Xuân PH1 – Sinh năm: 1983; Trú tại: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Huỳnh U – Sinh năm: 1975; Trú tại: Thôn 4, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Nguyễn Văn S1 – Sinh năm: 1994; Trú tại: Thôn 3, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Lê Văn V – Sinh năm: 1984; Trú tại: Thôn 4, xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Nguyễn Ngọc NG1 – Sinh năm: 1990; Trú tại: KP B2, TT T2, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DỊ VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm mục đích thu lợi bất chính từ việc thu tiền xâu của các đối tượng đánh bạc nên từ đầu tháng 11/2020, Lê Thị PH T đã mua các bộ bài tú lơ khơ, trực tiếp cắt các đồng vị, chuẩn bị chén, đĩa và sử dụng phòng bếp nhà của mình ở thôn 3- xã D- huyện Đồng Xuân (Nhà này do chồng của T là Nguyễn Đức V đứng tên chủ sở hữu) để các đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/11/2020 các đối tượng đến nhà Lê Thị PH T để đánh bạc. Lúc này, Huỳnh Thị T là người trực tiếp làm cái, các đối tượng tham gia đặt tiền gồm Nguyễn Thị K, Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Nguyễn Thị Đ, Hồ Thị Hoàng D1. Khoảng 15 phút sau, khi Hồ L đến địa điểm đánh bạc thì Huỳnh Thị T chuyển cho L làm cái xóc đĩa. L lấy ra một bàn đánh sinko đã chuẩn bị sẵn trải trên nền xi măng để những người đánh bạc vừa đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa vừa đánh theo hình thức sinko. Lúc này những người tham gia đặt tiền gồm: Huỳnh Thị T, Trần Quốc F, Huỳnh Quang B3, Nguyễn Ngọc C1, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Thị Hải Y, Bùi Ngọc V1, Y2 không tham gia đặt tiền mà cầm tiền để T, chi tiền đánh bạc giúp L. Các đối tượng đánh bạc đặt tiền mỗi ván từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng. Tổng số tiền trên chiếu bạc mỗi ván giao động từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

Khi đến địa điểm đánh bạc, các đối tượng mang theo và sử dụng số tiền để đánh bạc cụ thể như sau: Hồ L mang theo 1.560.000 đồng sử dụng để đánh bạc, thắng được số tiền 140.000 đồng; Trần Quốc F mang theo 800.000 đồng, sử dụng 780.000 đồng vào mục đích đánh bạc, thắng được 190.000 đồng; Võ Thị Mộng Y2 mang theo 42.073.000 đồng, sử dụng 860.000 đồng vào mục đích đánh bạc, Ta 200.000 đồng; Huỳnh Quang B3 mang theo 100.000 đồng sử dụng để đánh bạc,

thắng được 410.000 đồng; Nguyễn Ngọc C1 mang theo 570.000 đồng sử dụng để đánh bạc, thua 570.000 đồng; Nguyễn Thị K mang theo 40.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, thua 20.000 đồng; Hồ Thị Hoàng D1 mang theo 600.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng vào mục đích đánh bạc, thắng 10.000 đồng; Nguyễn Thị Đ mang theo 700.000 đồng sử dụng để đánh bạc, thắng 10.000 đồng; Huỳnh Thị T mang theo 50.000 đồng sử dụng để đánh bạc, thua 10.000 đồng; Nguyễn Thị Hải Y mang theo 130.000 đồng, sử dụng 30.000đ vào mục đích đánh bạc, thua 30.000 đồng; Bùi Ngọc V1 mang theo 50.000 đồng sử dụng để đánh bạc, thua 50.000 đồng.

Quá trình đánh bạc các đối tượng đã đưa tiền xâu cho Lê Thị PH T số tiền 100.000 đồng, trong đó xác định được: Trần Quốc F 20.000 đồng, Nguyễn Ngọc C1 10.000 đồng từ số tiền mang theo; Huỳnh Quang B3, Nguyễn Thị Đ mỗi người 10.000 đồng từ số tiền thắng được. Ngoài ra Lê Thị PH T còn khai nhận trước ngày 29/11/2020 đã thu tiền xâu của các đối tượng đánh bạc số tiền 1.300.000 đồng.

Việc đánh bạc diễn ra liên tục đến khoảng 15h30' cùng ngày thì bị Công an huyện Đồng Xuân bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 5.900.000 đồng, trên người các đối tượng bị bắt và những đối tượng giao nộp số tiền 45.223.000 đồng. Trong đó số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 2.130.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 8.030.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của Lê Thị PH T là 1.400.000 đồng.

Vật chứng và tài sản thu giữ:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 51.123.000 đồng (*Năm mươi một triệu, một trăm hai mươi ba nghìn đồng*);

- 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính miệng 15,5cm; 01 chén sứ màu trắng, đường kính miệng 11,5cm; 01 tấm nhựa kích thước (31x21,5)cm, một mặt màu trắng, một mặt có nền màu xanh được chia thành bốn ô chữ nhật bằng nhau; 04 đồng vị hình tròn được cắt từ lá bài tây; 01 túi ni lon màu vàng, bên trong chứa nhiều đồ vật (1820 lá bài tây, 150 lá bài tây loại có nền màu xanh lá dạng ca rô, 07 vỏ bộ bài màu đỏ, 02 vỏ bộ bài màu xanh, 01 túi ni lon bên trong có chứa nhiều lá bài tây cắt vụn); 01 cái kéo dài 16cm.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 78F1-068.15 của Nguyễn Xuân PH1.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 78K1-017.66 của Huỳnh Thị T.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yasuta, gắn biển số 61Z1-2002 của Nguyễn Văn S1.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Lever, biển số 47L5-6712 của Lê Văn V.

- 01 xe mô tô không nhãn hiệu, biển số 78X1-1948 của Lê Thị PH T.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím cơ màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng đồng của Võ Thị Mộng Y2.

- 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen viền đỏ loại bàn phím của Nguyễn Thị Đ.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng màu xanh dương của Hồ Thị Hoàng D1.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng màu H1 của Nguyễn Ngọc C1.
- 01 điện thoại di động hiệu REDMI loại cảm ứng vỏ màu đen của Hồ L.
- 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI loại cảm ứng màu xám của Nguyễn Ngọc NG1.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS-ĐX ngày 06/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Lê Thị PH T về tội “*Gá bạc*”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Hồ L, Trần Quốc F, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1, Nguyễn Thị Hải Y về tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

* Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã nêu. Kết luận bị cáo Lê Thị PH T phạm tội “*Gá bạc*”; Các bị cáo Hồ L, Trần Quốc F, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1, Nguyễn Thị Hải Y phạm tội “*Đánh bạc*”. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Lê Thị PH T. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Hồ L. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/11/2020 đến ngày 05/12/2020. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Trần Quốc F. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/11/2020 đến ngày 05/12/2020. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị K. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1, Nguyễn Thị Hải Y; bị cáo Huỳnh Thị T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS; Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS đối với bị cáo Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Nguyễn Thị Hải Y. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1; Phạt bổ sung các bị cáo Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Nguyễn Thị Hải Y mỗi bị cáo 10.000.000đ. Giao các bị cáo Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị

T, Bùi Ngọc V1, Nguyễn Thị Hải Y cho UBND xã D, huyện Đồng Xuân; Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho UBND xã X1, huyện Đồng Xuân; Giao bị cáo Võ Thị Mộng Y2 cho UBND phường X, thị xã Ô, để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.410.000đ (chín triệu, bốn trăm mười ngàn đồng), trong đó T giữ trên chiếu bạc 5.900.000đ; T giữ trên người các đối tượng đánh bạc được xác định sử dụng vào việc đánh bạc 2.110.000đ và số tiền 1.400.000đ thu lợi bất chính của Lê Thị PH T.

- Tịch thu tiêu hủy: các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Trả lại tiền và tài sản cho các bị cáo: trả lại số tiền không có căn cứ chứng minh là sẽ dùng vào việc đánh bạc và các vật chứng không phải là công cụ, phương tiện phạm tội (xe máy, điện thoại).

* Người bào chữa:

- Ông Ngô Tấn Hải - Người bào chữa cho bị cáo Hồ L, Nguyễn Ngọc C1 trình bày lời bào chữa:

+ Đối với bị cáo Hồ L: Thống nhất về mặt tội danh, các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà KSV đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ TNHS và hoàn cảnh bị cáo đang nuôi con nhỏ mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C1: Thống nhất về mặt tội danh, các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà KSV đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ TNHS, số tiền đánh bạc không lớn và hoàn cảnh bị cáo đang nuôi con bị khuyết tật mà cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 BLHS.

- Bà Nguyễn Thị Khánh Duy - Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1 trình bày lời bào chữa:

+ Đối với bị cáo Huỳnh Thị T: Thống nhất về mặt tội danh, các tình tiết giảm nhẹ TNHS và hình phạt mà KSV đề nghị đối với bị cáo.

+ Đối với bị cáo Bùi Ngọc V1: Thống nhất về mặt tội danh, các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà KSV đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ TNHS, số tiền đánh bạc nhỏ, không bị bắt quả tang, là lao động chính trong gia đình mà cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 BLHS.

- Bà Trần Thị Như Thủy - Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị Hoàng D1, Lê Thị PH T trình bày lời bào chữa:

+ Đối với bị cáo Lê Thị PH T: Thống nhất về mặt tội danh, các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà KSV đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS và hoàn cảnh bị cáo đang nuôi con ăn học, bị cáo là lao động chính trong

gia đình mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS và đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã tự nguyện giao nộp là 1.300.000đ.

+ Đối với bị cáo Hồ Thị Hoàng D1: Thống nhất về mặt tội danh, các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà KSV đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS và hoàn cảnh bị cáo là mẹ đơn thân, đang nuôi con nhỏ mà cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 BLHS.

- Ông Ngô Văn Thành - Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đ, tại luận cứ bào chữa: Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS.

* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị PH T, Hồ L, Trần Quốc F, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1 và Nguyễn Thị Hải Y khai phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, các bị cáo xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các vật chứng thu giữ được; phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà VKSND huyện Đồng Xuân đã truy tố. HĐXX đủ cơ sở kết luận: Với mục đích thu lợi bất chính, khoảng thời gian từ 13h30' đến 15h30' ngày 29/11/2020, Lê Thị PH T sử dụng nhà ở Tộc quyền sở hữu của mình cho các đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền để thu lợi bất chính số tiền 100.000 đồng. Các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Hồ L, Huỳnh Thị T, Trần Quốc F, Huỳnh Quang B3, Nguyễn Ngọc C1, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Thị Hải Y, Bùi Ngọc V1 và Võ Thị Mộng Y2. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 8.020.000 đồng. Bị cáo Lê Thị PH T đã sử dụng nhà ở thuộc quyền quản lý của mình để cho trên 10 người đánh bạc với số tiền trên 5.000.000đ, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Gá bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Hồ L, Trần Quốc F, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Võ Thị Mộng Y2,

Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1 và Nguyễn Thị Hải Y đã cấu thành tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 10/CT-VKS-ĐX ngày 06/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Lê Thị PH T về tội “*Gá bạc*”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS; các bị cáo Hồ L, Trần Quốc F, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1 và Nguyễn Thị Hải Y về tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hậu quả, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ pháp luật nghiêm cấm việc gá bạc và đánh bạc trái phép, nhưng các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, đã lợi dụng địa điểm kín đáo, khó phát hiện truy bắt của cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để thực hiện việc đánh bạc, nhằm mục đích sát phạt ăn Ta nhau bằng tiền và thu lợi bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh của xã hội ở cộng đồng dân cư và dễ dẫn đến làm phát sinh những tiêu cực khác, nên cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét đến vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, quá trình nhân thân, thái độ khai báo sau khi phạm tội của từng bị cáo cụ thể để quyết định hình phạt phù hợp.

[3.1] Đối với bị cáo Lê Thị PH T: Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi đánh bạc trái phép là một tệ nạn, nNG1 với mục đích thu lợi bất chính từ việc thu tiền xâu, nên từ giữa tháng 11/2020 bị cáo đã sử dụng nhà ở của mình để cho các bị cáo khác đánh bạc trái phép và thu lợi bất chính với số tiền là 1.400.000đ, riêng ngày 29/11/2020 bị cáo thu lợi bất chính số tiền 100.000đ. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo, để xét xử bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội như lời đề nghị của KSV tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với quan điểm của người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS; hoàn cảnh bị cáo đang nuôi con ăn học, bị cáo là lao động chính trong gia đình mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS và đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã tự nguyện giao nộp là 1.300.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đóng vai trò chính trong vụ án, bị cáo

biết rõ việc đánh bạc là trái phép nhưng vì mục đích thu lợi bất chính đã chuẩn bị dụng cụ đánh bạc, dùng nhà của mình để cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc nhiều lần, tổng số tiền mà các bị cáo tham gia đánh bạc lúc bị bắt là hơn 8 triệu đồng. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với số tiền 1.300.000đ, đây là tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc cho các đối tượng đánh bạc tại nhà của mình trước ngày bị bắt quả tang nên cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước. Vì vậy, quan điểm bào chữa của người bào chữa là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[3.2] Đối với bị cáo Hồ L: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nhưng bị cáo vẫn bất chấp dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người cầm cái xóc đĩa để trực tiếp thắng thua với các bị cáo khác trong vụ án đến khi bị cơ quan Công an bắt quả tang và sử dụng số tiền 1.700.000 đồng vào mục đích đánh bạc; trước đó bị cáo còn tham gia làm cái xóc đĩa tại nhà bị cáo Lê Thị PH T, hành vi của bị cáo là nguy hiểm hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật nên cần xét phạt bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có ông nội ruột là người có công với nước, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, để xét xử bị cáo với mức án phù hợp như lời đề nghị của KSV tại phiên tòa.

Đối với quan điểm của bào chữa đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người trực tiếp làm cái xóc đĩa thắng thua với những bị cáo khác, trước đó vào ngày 28/11/2020 bị cáo cũng là người làm cái cho những đối tượng đánh bạc. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm hơn so với các bị cáo khác trong cùng vụ án, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nếu cho bị cáo hưởng án treo thì không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và không công bằng đối với các bị cáo khác. Vì vậy, quan điểm bào chữa của người bào chữa là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[3.3] Đối với bị cáo Trần Quốc F: Bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc và là người có nhân thân rất xấu, thường xuyên tham gia đánh bạc trái phép, cụ thể: ngày 20/7/2017, bị TAND thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc; Ngày 27/7/2015 bị Công an xã G, huyện Tuy An, tỉnh Phú Y2 xử phạt 1.000.000đ về hành vi đánh bạc (chưa chấp hành); Ngày 16/3/2016 bị Công an thị trấn T2, huyện Tuy An, tỉnh Phú Y2 xử phạt 2.000.000đ về hành vi đánh bạc (đã chấp hành); Ngày 25/3/2016 bị Công an thị trấn T2, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 2.000.000đ về hành vi đánh bạc (chưa chấp hành); Ngày 23/6/2020 bị Công an xã An Hòa Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Y2 xử phạt 1.000.000đ về hành vi đánh bạc (đã chấp hành). Từ đó, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, ý thức tự cải

tạo kém, hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xét xử bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, để xử phạt bị cáo với mức án phù hợp.

[3.4] Đối với bị cáo Nguyễn Thị K: Bị cáo là người có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 21/02/2014, bị TAND huyện Đồng Xuân xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc, bị cáo không lấy đó làm bài học để tự cải tạo, khắc phục, sửa chữa mà lại tiếp tục phạm tội, nên cần xét xử bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; số tiền dùng để đánh bạc nhỏ, bị cáo đã lớn tuổi, đang bị liệt nửa người nên chỉ cần xét xử bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt tù như lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3.5] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ: Bị cáo là người có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 11/10/2016, bị Công an huyện Đồng Xuân xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc (chấp hành xong ngày 09/11/2016). Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần xét xử bị cáo mức án nghiêm, lẽ ra cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như bị cáo K mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Mặc khác, thời gian bị cáo được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã hơn 4 năm; trong vụ án này, con ruột của bị cáo là bị cáo Hồ L cần phải cách ly khỏi xã hội một thời gian; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục, thử thách một thời gian cũng đủ để bị cáo nhận ra lỗi lầm, vừa có thể giáo dục, răn đe đối với bị cáo, vừa thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta như lời đề nghị người bào chữa cho bị cáo và của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[3.6] Đối với các bị cáo Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1, Nguyễn Thị Hải Y: Các bị cáo đều là người trực tiếp tham gia đánh bạc tại sòng bạc ngày 29/11/2020, đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép vi phạm pháp luật nNG1 chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo đã tham gia đánh bạc trái phép, gây mất trật tự trị an tại địa PH, nên cần áp dụng một hình phạt tù để xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung; bị cáo Y2, C1 dùng số tiền lớn hơn các bị cáo khác để đánh bạc nên hình phạt đối với bị cáo Y2, C1 là cao hơn so với các bị cáo khác. Tuy nhiên, xét các bị cáo đều có nhân thân At, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy A cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân cũng như các bị cáo khác; các

bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T có cha ruột là người có công với nước, đây là những I tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Mặc khác, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa PH giám sát, giáo dục, thử thách một thời gian cũng đủ để các bị cáo nhận ra lỗi lầm, vừa giáo dục, răn đe đối với các bị cáo, vừa thể hiện sự kBN H1 của pháp luật Nhà nước ta như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp. Không chấp nhận lời bào chữa của người bào chữa đề nghị cho các bị cáo Nguyễn Ngọc C1, Bùi Ngọc V1, Hồ Thị Hoàng D1 được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[3.7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lê Thị PH T, Hồ L, Nguyễn Thị Đ, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1 đều Tộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị K hiện nay đang bị bệnh nặng và đã cao tuổi, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Các bị cáo Trần Quốc F, Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Nguyễn Thị Hải Y đều không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Đối với những lần đánh bạc trước ngày 29/11/2020 mà các đối tượng khai nhận: Quá trình điều tra không chứng minh được số người tham gia đánh bạc và số tiền cụ thể của từng lần đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Đức V: Quá trình điều tra xác định anh V thường xuyên vắng nhà để đi làm rẫy và không biết việc T cho các đối tượng đánh bạc tại nhà của mình để thu lợi bất chính nên không vi phạm pháp luật.

[5] Về vật chứng vụ án:

- 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính miệng 15,5cm; 01 chén sứ màu trắng, đường kính miệng 11,5cm; 01 tấm nhựa kích thước (31x21,5)cm, một mặt màu trắng, một mặt có nền màu xanh được chia thành bốn ô chữ nhật bằng nhau; 04 đồng vị hình tròn được cắt từ lá bài tây; 01 túi ni lon màu vàng, bên trong chứa nhiều đồ vật (1820 lá bài tây, 150 lá bài tây loại có nền màu xanh lá dạng ca rô, 07 vỏ bộ bài màu đỏ, 02 vỏ bộ bài màu xanh, 01 túi ni lon bên trong có chứa nhiều lá bài tây cắt vụn); 01 cái kéo dài 16cm là các công cụ, phương tiện phục vụ việc đánh bạc, xét thấy không có giá trị, nên tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 51.123.000 đồng (*Năm mươi một triệu, một trăm hai mươi ba nghìn đồng*), theo ủy nhiệm chi số 03 lập ngày 10/9/2021, gồm: 9.410.000đ (chín triệu, bốn trăm mười ngàn đồng), trong đó thu giữ trên chiếu bạc 5.900.000đ; Thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc được xác định sử dụng vào việc đánh bạc 2.110.000đ và số tiền 1.400.000đ thu lợi bất chính của Lê Thị PH T, đây là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và thu lợi bất chính, nên tịch T sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 41.713.000đ, trong đó của Hồ Thị Hoàng D1 500.000đ, Võ Thị Mộng Y2 41.213.000đ không có căn cứ chứng minh là sẽ dùng vào việc đánh bạc, nên xét trả lại cho các bị cáo.

- Đối với các vật chứng khác gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 78F1-068.15 của Nguyễn Xuân PH1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển

số 78K1-017.66 của Huỳnh Thị T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yasuta, gắn biển số 61Z1-2002 của Nguyễn Văn S1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Lever, biển số 47L5-6712 của Lê Văn V; 01 xe mô tô không nhãn hiệu, biển số 78X1-1948 của Lê Thị PH T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím cơ màu xanh đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng đồng của Võ Thị Mộng Y2; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen viền đỏ loại bàn phím của Nguyễn Thị Đ; 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng màu xanh dương của Hồ Thị Hoàng D1; 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng màu hường của Nguyễn Ngọc C1; 01 điện thoại di động hiệu REDMI loại cảm ứng vỏ màu đen của Hồ L; 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI loại cảm ứng màu xám của Nguyễn Ngọc NG1. Xét thấy các vật chứng này không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc có liên quan đến hoạt động phạm tội, nên trả lại cho các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị PH T phạm tội “*Gá bạc*”; Các bị cáo Hồ L, Trần Quốc F, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1 và Nguyễn Thị Hải Y phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Lê Thị PH T. Xử phạt: Lê Thị PH T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Hồ L. Xử phạt: Hồ L 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/11/2020 đến ngày 05/12/2020. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Trần Quốc F. Xử phạt: Trần Quốc F 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 29/11/2020 đến ngày 05/12/2020. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị K. Xử phạt: Nguyễn Thị K 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS BLHS đối với các bị cáo Võ Thị Mộng Y2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Ngọc C1; áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS đối với bị cáo Y2. Xử phạt

+ Võ Thị Mộng Y2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và phạt bổ sung 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

+ Nguyễn Thị Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Nguyễn Ngọc C1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Y2 cho UBND phường X, thị xã Ô, tỉnh Phú Yên; bị cáo Đ cho UBND xã X1, huyện Đồng Xuân; bị cáo C1 cho UBND xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục các bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1, Nguyễn Thị Hải Y; Bị cáo Huỳnh Thị T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS; Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo Huỳnh Quang B3, Nguyễn Thị Hải Y. Xử phạt Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1, Nguyễn Thị Hải Y mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung các bị cáo Huỳnh Quang B3, Nguyễn Thị Hải Y mỗi bị cáo 10.000.000đ (*mười triệu đồng*). Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hồ Thị Hoàng D1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1.

Giao các bị cáo Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1, Nguyễn Thị Hải Y cho UBND xã D, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục các bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* **Về vật chứng vụ án:** Áp dụng khoản 1 Điều 47; khoản 2, 3 Điều 106 BLHS:

- Tịch T tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính miệng 15,5cm; 01 chén sứ màu trắng, đường kính miệng 11,5cm; 01 tấm nhựa kích thước (31x21,5)cm, một mặt màu trắng, một mặt có nền màu xanh được chia thành bốn ô chữ nhật bằng nhau; 04 đồng vị hình tròn được cắt từ lá bài tây; 01 túi ni lon màu vàng, bên trong chứa nhiều đồ vật (1820 lá bài tây, 150 lá bài tây loại có nền màu xanh lá dạng ca rô, 07 vỏ bộ bài màu đỏ, 02 vỏ bộ bài màu xanh, 01 túi ni lon bên trong có chứa nhiều lá bài tây cắt vụn); 01 cái kéo dài 16cm.

- Tịch T sung quỹ Nhà nước (theo ủy nhiệm chi số 03 lập ngày 10/9/2021) số tiền 9.410.000đ (chín triệu, bốn trăm mười ngàn đồng), trong đó thu giữ trên chiếu bạc 5.900.000đ; Thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc được xác định sử

dụng vào việc đánh bạc 2.110.000đ và số tiền 1.400.000đ T lợi bất chính của Lê Thị PH T.

- Trả lại tiền và tài sản cho các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Trả lại cho Nguyễn Xuân PH1 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 78F1-068.15.

+ Trả lại cho Huỳnh Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 78K1-017.66 của Huỳnh Thị T.

+ Trả lại cho Nguyễn Văn S1 01 xe mô tô nhãn hiệu Yasuta, gắn biển số 61Z1-2002.

+ Trả lại cho Lê Văn V 01 xe mô tô nhãn hiệu Lever, biển số 47L5-6712.

+ Trả lại cho Lê Thị PH T 01 xe mô tô không nhãn hiệu, biển số 78X1-1948.

+ Trả lại cho Võ Thị Mộng Y2 số tiền 41.213.000đ (Bốn mươi một triệu, hai trăm mười ba ngàn đồng); 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím cơ màu xanh đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng đồng.

+ Trả lại cho Hồ Thị Hoàng D1 số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng màu xanh dương.

+ Trả lại cho Nguyễn Thị Đ 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu đen. viên đỏ loại bàn phím

+ Trả lại cho Nguyễn Ngọc C1 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng màu H1.

+ Trả lại cho Hồ L 01 điện thoại di động hiệu REDMI loại cảm ứng vỏ màu đen.

+ Trả lại cho Nguyễn Ngọc NG1 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI loại cảm ứng màu xám.

(Số tiền theo ủy nhiệm chi số 03 lập ngày 10/9/2021 do Công an huyện Đồng Xuân nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân; Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục THADS huyện Đồng Xuân).

Tạm giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân số tiền và tài sản trả lại cho các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án về phân hình phạt bổ sung.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật A tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Thị PH T, Hồ L, Trần Quốc F, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Đ, Võ Thị Mộng Y2, Huỳnh Quang B3, Hồ Thị Hoàng D1, Nguyễn Ngọc C1, Huỳnh Thị T, Bùi Ngọc V1 và Nguyễn Thị Hải Y mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Y2 (P.KT-NV);
- VKSND tỉnh Phú Y2;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Y2;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- UBND xã D; xã X1, huyện ĐX;
pH X, tx Ô;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- Những người tham gia A tụng;

Trần Vĩnh Long